TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

THÔNG BÁO KẾT QUẢ TIÊU HỦY BIÊN LAI GIẤY

Kính gửi:

- Tổng cục Thi hành án dân sự;
- Chi cục THADS các huyện, thị xã, thành phố.

Tên tổ chức, cá nhân : Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh
Mã số thuế: 3900369324
Địa chỉ: Khu phố 1 phường 3 thành phố Tây Ninh tỉnh Tây Ninh.
Phương pháp hủy hóa đơn: cắt bỏ.
Hồi 16 giờ 40 ngày 09 tháng 6 năm 2025, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh thông báo hủy biên lai như sau:

STT	Tên loại biên lai	Mẫu số	Ký hiệu biên lai	Từ số	đến số	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng cộng			x	x	**58.738**
I	**Văn phòng Cục**			x	x	**4.248**
1	**Biên lai thu tiền phí, lệ phí**					**228**
		01BLP4-001	AE-21P	77	100	24
		01BLP4-001	AE-21P	127	150	24
		01BLP4-001	AE-21P	400	400	1
		01BLP4-001	AE-21P	437	450	14
		01BLP4-001	AE-21P	486	500	15
		01BLP4-001	AE-21P	601	750	150
2	**Biên lai thu tiền (Tạm thu)**					**1.004**
		C20-THA	39AA-21P	0057	0100	44
		C20-THA	39AA-21P	3164	3200	37
		C20-THA	39AA-23P	0031	0050	20
		C20-THA	39AA-23P	0062	0100	39
		C20-THA	39AA-23P	0137	0150	14
		C20-THA	39AA-23P	0151	01000	850
3	**Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí của Toà án**					**872**
		C21-THA	39B-23P	00129	150	22
		C21-THA	39B-23P	00151	001000	850
4	**Biên lai thu tiền nộp NSNN**					**964**
		C22-THA	39AC-21P	0033	0050	18
		C22-THA	39AC-21P	0061	00100	40
		C22-THA	39AC-21P	00128	00150	23
		C22-THA	39AC-21P	00184	00200	17
		C22-THA	39AC-21P	00235	00250	16
		C22-THA	39AC-21P	00251	00300	50
		C22-THA	39AC-21P	004251	004500	250
		C22-THA	39AC-23P	0001	0550	550
5	**Biên lai thu tiền thi hành án**					**1.180**
		C23-THA	39AD-21P	9143	9150	8
		C23-THA	39AD-21P	067	0100	34

STT	Tên loại biên lai	Mẫu số	Ký hiệu biên lai	Từ số	đến số	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		C23-THA	39AD-23P	013	050	38
		C23-THA	39AD-23P	0101	01200	1.100
II	**Chi cục THADS Thành phố Tây Ninh**					**4.258**
1	**Biên lai thu Phí, lệ phí**					**1.598**
		01BLP4-001	**39AE-21P**	997	1000	4
		01BLP4-001	**39AE-21P**	1616	1650	35
		01BLP4-001	**39AE-21P**	1663	1700	38
		01BLP4-001	**39AE-21P**	1713	1750	38
		01BLP4-001	**39AE-21P**	1760	1800	41
		01BLP4-001	**39AE-21P**	1809	1850	42
		01BLP4-001	**39AE-21P**	1851	3250	1.400
2	**Biên lai thu tiền tạm thu**					**315**
		C20-THA	**39AA-23P**	628	650	23
		C20-THA	**39AA-23P**	759	800	42
		C20-THA	**39AA-23P**	1051	1300	250
3	**Biên lai thu tiền Tạm ứng án phí, lệ phí của Toà án**					**791**
		C21-THA	**39AB-21P**	2710	2750	41
		C21-THA	**39AB-21P**	2751	3500	750
4	**Biên lai thu tiền nộp NSNN**					**389**
		C22-THA	**39AC-21P**	342	350	9
		C22-THA	**39AC-21P**	395	400	6
		C22-THA	**39AC-21P**	524	550	27
		C22-THA	**39AC-21P**	698	700	3
		C22-THA	**39AC-21P**	706	750	45
		C22-THA	**39AC-21P**	752	800	49
		C22-THA	**39AC-21P**	801	1050	250
5	**Biên lai thu tiền thi hành án**					**1.165**
		C23-THA	**39AD-21P**	1432	1450	19
		C23-THA	**39AD-21P**	1488	1500	13
		C23-THA	**39AD-21P**	1522	1550	29
		C23-THA	**39AD-21P**	1562	1600	39
		C23-THA	**39AD-21P**	1606	1650	45
		C23-THA	**39AD-21P**	2581	2600	20
		C23-THA	**39AD-21P**	1651	2500	850
		C23-THA	**39AD-21P**	2651	2800	150
III	**Chi cục THADS huyện Tân Biên**					**6.952**
1	**Biên lai thu Phí, lệ phí**					**3.285**
		01BLP4-001	**AE-21P**	3349	3350	2
		01BLP4-001	**AE-21P**	3879	3900	22
		01BLP4-001	**AE-21P**	3950	3950	1
		01BLP4-001	**AE-21P**	3982	4000	19
		01BLP4-001	**AE-21P**	4010	4050	41
		01BLP4-001	**AE-21P**	4051	7250	3.200
2	**Biên lai thu tiền tạm thu**					**502**
		C20-THA	**39AA-21P**	1187	1200	14
		C20-THA	**39AA-21P**	1267	1300	34
		C20-THA	**39AA-21P**	1313	1350	38
		C20-THA	**39AA-21P**	1367	1400	34
		C20-THA	**39AA-21P**	1417	1450	34
		C20-THA	**39AA-21P**	1453	1500	48

STT	Tên loại biên lai	Mẫu số	Ký hiệu biên lai	Từ số	đến số	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		C20-THA	39AA-21P	1501	1550	50
		C20-THA	39AA-23P	1301	1550	250
3	Biên lai thu tiền Tạm ứng án phí, lệ phí của Toà án					2.028
		C21-THA	39AB-21P	4723	4750	28
		C21-THA	39AB-21P	4751	6750	2.000
4	Biên lai thu tiền nộp NSNN					440
		C22-THA	39AC-21P	1680	1700	21
		C22-THA	39AC-21P	1830	1850	21
		C22-THA	39AC-21P	1864	1900	37
		C22-THA	39AC-21P	1923	1950	28
		C22-THA	39AC-21P	1968	2000	33
		C22-THA	39AC-21P	2001	2050	50
		C22-THA	39AC-23P	0551	0800	250
5	Biên lai thu tiền thi hành án					697
		C23-THA	39AD-21P	3478	3500	23
		C23-THA	39AD-21P	3579	3600	22
		C23-THA	39AD-21P	3617	3650	34
		C23-THA	39AD-21P	3674	3700	27
		C23-THA	39AD-21P	3708	3750	43
		C23-THA	39AD-21P	3753	3800	48
		C23-THA	39AD-21P	3801	4050	250
		C23-THA	39AD-23P	1201	1450	250
IV	Chi cục THADS huyện Tân Châu					8.502
1	Biên lai thu Phí, lệ phí					4.122
		01BLP4-001	39AE-21P	7437	7450	14
		01BLP4-001	39AE-21P	8026	8050	25
		01BLP4-001	39AE-21P	8150	8150	1
		01BLP4-001	39AE-21P	8159	8200	42
		01BLP4-001	39AE-21P	8207	8250	44
		01BLP4-001	39AE-21P	8255	8300	46
		01BLP4-001	39AE-21P	8301	12250	3.950
2	Biên lai thu tiền (Tạm thu)					279
		C20-THA	39AA/21P	1641	1650	10
		C20-THA	39AA/21P	1993	2000	8
		C20-THA	39AA/21P	2131	2150	20
		C20-THA	39AA/21P	2197	2200	4
		C20-THA	39AA/21P	2268	2300	33
		C20-THA	39AA/21P	2332	2350	19
		C20-THA	39AA/21P	2365	2400	36
		C20-THA	39AA/21P	2402	2450	49
		C20-THA	39AA/21P	2451	2550	100
3	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí của Toà án					2.970
		C21-THA	39AB/21P	8781	8800	20
		C21-THA	39AB/21P	8801	11750	2.950
4	Biên lai thu tiền nộp NSNN					320
		C22-THA	39AC-21P	2324	2350	27
		C22-THA	39AC-21P	2399	2400	2
		C22-THA	39AC-21P	2540	2550	11

STT	Tên loại biên lai	Mẫu số	Ký hiệu biên lai	Từ số	đến số	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		C22-THA	39AC-21P	2570	2600	31
		C22-THA	39AC-21P	2602	2650	49
		C22-THA	39AC-21P	2651	2850	200
5	Biên lai thu tiền thi hành án					**811**
		C23-THA	39AD-21P	4826	4850	25
		C23-THA	39AD-21P	4877	4900	24
		C23-THA	39AD-21P	4934	4950	17
		C23-THA	39AD-21P	5050	5050	1
		C23-THA	39AD-21P	5094	5100	7
		C23-THA	39AD-21P	5112	5150	39
		C23-THA	39AD-21P	5152	5200	49
		C23-THA	39AD-21P	5202	5250	49
		C23-THA	39AD-21P	5251	5850	600
V	Chi cục THADS huyện Dương Minh Châu					**9.894**
1	Biên lai thu phí, lệ phí					**4.202**
		01BLP4-001	39AE-21P	12843	12850	8
		01BLP4-001	39AE-21P	12880	12900	21
		01BLP4-001	39AE-21P	12978	13000	23
		01BLP4-001	39AE-21P	13048	13050	3
		01BLP4-001	39AE-21P	13097	13100	4
		01BLP4-001	39AE-21P	13108	13150	43
		01BLP4-001	39AE-21P	13151	17250	4.100
2	Biên lai thu tiền (Tạm thu)					**151**
		C20-THA	39AA-21P	2598	2600	3
		C20-THA	39AA-21P	2629	2650	22
		C20-THA	39AA-21P	2823	2850	28
		C20-THA	39AA-21P	2891	2900	10
		C20-THA	39AA-21P	2946	2950	5
		C20-THA	39AA-21P	3018	3050	33
		C20-THA	39AA-21P	3051	3100	50
3	Biên lai thu tiền Tạm ứng án phí, lệ phí của Toà án					**2.350**
		C21-THA	39BA-21P	14151	16500	2.350
4	Biên lai thu tiền nộp NSNN					**776**
		C22-THA	39AC-21P	3248	3250	3
		C22-THA	39AC-21P	3367	3400	34
		C22-THA	39AC-21P	3452	3500	49
		C22-THA	39AC-21P	3509	3550	42
		C22-THA	39AC-21P	3553	3600	48
		C22-THA	39AC-21P	3601	4200	600
5	Biên lai thu tiền thi hành án					**2.415**
		C23-THA	39AD-21P	6532	6550	19
		C23-THA	39AD-21P	6635	6650	16
		C23-THA	39AD-21P	6677	6700	24
		C23-THA	39AD-21P	6735	6750	16
		C23-THA	39AD-21P	6761	6800	40
		C23-THA	39AD-21P	6801	9100	2.300
VI	Chi cục THADS huyện Châu Thành					**4.761**

STT	Tên loại biên lai	Mẫu số	Ký hiệu biên lai	Từ số	đến số	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Biên lai thu phí, lệ phí					2.584
		01BLP4-001	39AE-21P	18047	18050	4
		01BLP4-001	39AE-21P	18083	18100	18
		01BLP4-001	39AE-21P	18137	18150	14
		01BLP4-001	39AE-21P	18193	18200	8
		01BLP4-001	39AE-21P	18207	18250	44
		01BLP4-001	39AE-21P	18255	18300	46
		01BLP4-001	39AE-21P	18301	20750	2.450
2	Biên lai thu tiền tạm thu					281
		C20-THA	39AA-21P	3794	3800	7
		C20-THA	39AA-21P	3937	3950	14
		C20-THA	39AA-21P	3963	4000	38
		C20-THA	39AA-21P	4042	4050	9
		C20-THA	39AA-21P	4067	4100	34
		C20-THA	39AA-21P	4122	4150	29
		C20-THA	39AA-21P	4151	4300	150
2	Biên lai thu tiền Tạm ứng án phí, lệ phí của Toà án					964
		C21-THA	39/AB-21P	19287	19300	14
		C21-THA	39/AB-21P	19301	20250	950
3	Biên lai thu tiền nộp NSNN					322
		C22-THA	39AC-21P	5184	5200	17
		C22-THA	39AC-21P	5226	5250	25
		C22-THA	39AC-21P	5290	5300	11
		C22-THA	39AC-21P	5312	5350	39
		C22-THA	39AC-21P	5370	5400	31
		C22-THA	39AC-21P	5402	5450	49
		C22-THA	39AC-21P	5451	5600	150
4	Biên lai thu tiền thi hành án					610
		C23-THA	39AD-21P	10886	10900	15
		C23-THA	39AD-21P	10947	10950	4
		C23-THA	39AD-21P	10969	11000	32
		C23-THA	39AD-21P	11021	11050	30
		C23-THA	39AD-21P	11059	11100	42
		C23-THA	39AD-21P	11114	11150	37
		C23-THA	39AD-21P	11151	11600	450
VII	Chi cục THADS thị xã Hòa Thành					3.583
1	Biên lai phí, lệ phí					1.851
		01BLP4-001	AE-21P	21751	23400	1.650
		01BLP4-001	39AE-21P	20849	20850	2
		01BLP4-001	39AE-21P	21177	21200	24
		01BLP4-001	39AE-21P	21293	21300	8
		01BLP4-001	39AE-21P	21442	21450	9
		01BLP4-001	39AE-21P	21574	21600	27
		01BLP4-001	39AE-21P	21614	21650	37
		01BLP4-001	39AE-21P	21655	21700	46
		01BLP4-001	39AE-21P	21703	21750	48
2	Biên lai thu tiền (Tạm thu)					267
		C20-THA	39AA-21P	2.238	2.250	13

STT	Tên loại biên lai	Mẫu số	Ký hiệu biên lai	Từ số	đến số	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		C20-THA	39AA-21P	1592	1600	9
		C20-THA	39AA-21P	1611	1650	40
		C20-THA	39AA-21P	1671	1700	30
		C20-THA	39AA-21P	1721	1750	30
		C20-THA	39AA-21P	1754	1800	47
		C20-THA	39AA-21P	1803	1850	48
		C20-THA	39AA-21P	1851	1900	50
3	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí của Toà án					**450**
		C21-THA	39AB-21P	22051	22500	450
4	Biên lai thu tiền nộp NSNN					**487**
		C22-THA	39AC-21P	5.680	5.700	21
		C22-THA	39AC-21P	5.898	5.900	3
		C22-THA	39AC-21P	5.957	6.000	44
		C22-THA	39AC-21P	6.056	6.100	45
		C22-THA	39AC-21P	6.125	6.150	26
		C22-THA	39AC-21P	6.153	6.200	48
		C22-THA	39AC-21P	801	850	50
		C22-THA	39AC-21P	851	900	50
		C22-THA	39AC-21P	901	1100	200
5	Biên lai thu tiền thi hành án					**528**
		C23-THA	39AD-21P	11962	12000	39
		C23-THA	39AD-21P	12589	12600	12
		C23-THA	39AD-21P	12638	12650	13
		C23-THA	39AD-21P	12667	12700	34
		C23-THA	39AD-21P	12715	12750	36
		C23-THA	39AD-21P	12757	12800	44
		C23-THA	39AD-21P	12801	12850	50
		C23-THA	39AD-21P	1451	1750	300
VIII	Chi cục THADS huyện Bến Cầu					**3.869**
1	Biên lai phí, lệ phí					**985**
		01BLP4-001	AE/21P	23836	23850	15
		01BLP4-001	AE/21P	23899	23900	2
		01BLP4-001	AE/21P	23910	23950	41
		01BLP4-001	AE/21P	23974	24000	27
		01BLP4-001	AE/21P	24001	24900	900
2	Biên lai thu tiền (Tạm thu)					**633**
		C20-THA	39AA-23P	1933	1950	18
		C20-THA	39AA-23P	2036	2050	15
		C20-THA	39AA-23P	2051	2650	600
3	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí của Toà án					**1.018**
		C21-THA	39AB-21P	23233	23250	18
		C21-THA	39AB-21P	23251	23750	500
		C21-THA	39AB-23P	1001	1500	500
3	Biên lai thu tiền nộp NSNN					**548**
		C22-THA	39AC-21P	4774	4800	27
		C22-THA	39AC-21P	4813	4850	38
		C22-THA	39AC-23P	1113	1150	38

STT	Tên loại biên lai	Mẫu số	Ký hiệu biên lai	Từ số	đến số	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		C22-THA	39AC-23P	1156	1200	45
		C22-THA	39AC-23P	1201	1600	400
5	Biên lai thu tiền thi hành án					685
		C23-THA	39AD-21P	13305	13350	46
		C23-THA	39AD-21P	13424	13450	27
		C23-THA	39AD-21P	13486	13500	15
		C23-THA	39AD-21P	13504	13550	47
		C23-THA	39AD-21P	13551	13600	50
		C23-THA	39AD-23P	1751	2250	500
IX	Chi cục THADS huyện Gò Dầu					8.975
1	Biên lai phí, lệ phí					2.089
		01BLP4-001	39AE-21P	25688	25700	13
		01BLP4-001	39AE-21P	25737	25750	14
		01BLP4-001	39AE-21P	25772	25800	29
		01BLP4-001	39AE-21P	25827	25850	24
		01BLP4-001	39AE-21P	25866	25900	35
		01BLP4-001	39AE-21P	25912	25950	39
		01BLP4-001	39AE-21P	25966	26000	35
		01BLP4-001	39AE-21P	26001	27900	1.900
2	Biên lai thu tiền (Tạm thu)					838
		C20-THA	39AA-23P	2813	2850	38
		C20-THA	39AA-23P	2851	3650	800
3	Biên lai thu tiền Tạm ứng án phí, lệ phí của Toà án					1.960
		C21-THA	39AB-21P	26041	26050	10
		C21-THA	39AB-21P	26051	26250	200
		C21-THA	39AB-23P	1501	3250	1.750
4	Biên lai thu tiền nộp NSNN					788
		C22-THA	39AC-21P	6844	6850	7
		C22-THA	39AC-21P	6928	6950	23
		C22-THA	39AC-21P	4529	4550	22
		C22-THA	39AC-21P	4599	4600	2
		C22-THA	39AC-21P	4228	4250	23
		C22-THA	39AC-23P	1640	1650	11
		C22-THA	39AC-23P	1651	2350	700
5	Biên lai thu tiền thi hành án					3.300
		C23-THA	39AD-23P	2263	2300	38
		C23-THA	39AD-23P	2326	2350	25
		C23-THA	39AD-23P	2414	2450	37
		C23-THA	39AD-21P	14451	16100	1.650
		C23-THA	39AD-23P	2451	4000	1.550
X	Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng					3.696
1	Biên lai phí, lệ phí					1.649
		01BLP4-001	39AE-21P	27994	28000	7
		01BLP4-001	39AE-21P	28346	28350	5
		01BLP4-001	39AE-21P	28397	28400	4

STT	Tên loại biên lai	Mẫu số	Ký hiệu biên lai	Từ số	đến số	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		01BLP4-001	39AE-21P	28468	28500	33
		01BLP4-001	39AE-21P	28515	28550	36
		01BLP4-001	39AE-21P	28587	28600	14
		01BLP4-001	39AE-21P	28601	30150	1.550
2	Biên lai thu tiền (Tạm thu)					**311**
		C20-THA	39AA-23P	3686	3700	15
		C20-THA	39AA-23P	3705	3750	46
		C20-THA	39AA-23P	3751	4000	250
3	Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí của Toà án					**778**
		C21-THA	39AP-21P	27723	27750	28
		C21-THA	39AP-21P	27751	28500	750
4	Biên lai thu tiền nộp NSNN					**255**
		C22-THA	39AC-21P	7146	7150	5
		C22-THA	39AC-21P	7151	7250	100
		C22-THA	39AC-23P	2351	2500	150
5	Biên lai thu tiền thi hành án					**703**
		C23-THA	39AD-21P	17099	17100	2
		C23-THA	39AD-23P	4022	4050	29
		C23-THA	39AD-23P	4070	4100	31
		C23-THA	39AD-23P	4110	4150	41
		C23-THA	39AD-23P	4151	4750	600

Tây Ninh, Ngày 09 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phan Thị Hồng Vân

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Đặng Thị Tuyền